MỘT SỐ ĐỀ XUẤT PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM KHI VIỆT NAM GIA NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)

Hoàng Thị Đoan Trang[*]

Tóm tắt

Sự gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015 vừa tạo ra cơ hội cho thị trường lao động Việt Nam, đặc biệt với những người có tay nghề, chuyên môn cao; thúc đẩy nâng cao kỹ năng, năng suất lao động…đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức không nhỏ nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập. Bài viết phân tích thực trạng thị trường lao động Việt Nam, nghiên cứu cơ hội, thách thức đối với thị trường lao động, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục thách thức, tận dụng cơ hội để hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế khu vực..

Từ khóa: *AEC, ASEAN, lao động, thị trường lao động.*

Mã số: 183.280915. Ngày nhận bài: 28/09/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 04/12/2015. Ngày duyệt đăng: 10/12/2015.

Abstract

Vietnam's accession to ASEAN Economic Community (AEC) by the end of 2015 will not only create opportunities for our labour market, particularly for those with high skills and expertise; enhance skills, productivity but also open large challenges to meet integration requirements. This article analyzes the situation of Vietnamese labour market, studies its opportunities and challenges, and on that basis proposes some solutions to overcome challenges and take advantage of chances to efficiently integrate into the regional economy.

Key words: *AEC, ASEAN, labour, labour market.*

Paper No. 183.280915. Date of receipt: 28/09/2015. Date of revision: 04/12/2015. Date of approval: 10/12/2015.

Đặt vấn đề

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập vào cuối năm 2015 gồm 10 quốc gia với dân số khoảng 620 triệu người, trong đó lực lượng lao động chiếm gần 50% và GDP hàng năm khoảng 2.000 tỉ USD, được coi là bước tiến mới trong quá trình hội nhập toàn diện và hỗ trợ lẫn nhau của các quốc gia Đông Nam Á (Vũ Văn Hùng, 2015). AEC đặt ra mục tiêu tạo ra thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thương mại và đầu tư thống nhất với dòng lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn, lao động có tay nghề. Bốn mục tiêu của AEC bao gồm: (1) thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất; (2) một khu vực kinh tế cạnh tranh; (3) một khu vực phát triển đồng đều; và (4) hội nhập với nền kinh tế toàn cầu. Sự hình thành AEC chắc chắn sẽ tác động không nhỏ đến thị trường lao động Việt Nam với khoảng hơn 50 triệu người lao động, chiếm 1/6 tổng lực lượng lao động của khu vực ASEAN, với cả cơ hội lẫn thách thức do quá trình tự do hóa thương mại, đầu tư và tự do dịch chuyển lao động (Vũ Văn Hùng, 2015). Trước mắt, trong năm 2015 có 8 ngành nghề lao động trong các nước ASEAN được tự do di chuyển thông

[*] ThS, Trường Đại học Ngoại thương; Email:dtrang14981@yahoo.com

qua các thỏa thuận công nhận tay nghề tương đương, gồm kế toán, kiến trúc sư, nha sĩ, bác sĩ, kỹ sư, y tá, vận chuyển và nhân viên ngành du lịch. Ngoài ra, nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, thợ lành nghề), trong đó có nhân lực được đào tạo chuyên môn hoặc có trình độ từ đại học trở lên, thông thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, được di chuyển tự do hơn. Thực tế này đòi hỏi Việt Nam phải có những giải pháp khả thi cả về cơ chế chính sách, hành lang pháp lý để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Bài viết này phân tích khái quát thực trạng thị trường lao động Việt Nam, nghiên cứu cơ hội và thách thức đối với thị trường lao động Việt Nam khi Việt Nam gia nhập AEC, trên cơ sở đó kiến nghị một số giải pháp nhằm giúp thị trường lao động Việt Nam hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế khu vực.

1. Những bất cập của thị trường lao động Việt Nam trước thời điểm Việt Nam gia nhập AEC

Thị trường lao động Việt Nam hiện đang tồn tại "hạn chế kép" khi luôn ở thế thụ động và phát triển ở một trạng thái tương đối lạc hậu.

Thứ nhất, trình độ tay nghề của người lao động Việt Nam còn thấp. Trên thực tế, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn thấp và có khoảng cách khá lớn so với các nước trong khu vực. Ngân hàng Thế giới đánh giá Việt Nam đang thiếu nhiều lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Nếu lấy thang điểm là 10 thì chất lượng nhân lực của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia xếp hạng của Ngân hàng Thế giới (trong khi Hàn Quốc đạt 6,91 điểm; Ấn Độ đạt 5,76 điểm; Malaysia đạt 5,59 điểm). Do vậy nên năng suất lao động của Việt Nam thuộc nhóm thấp ở châu Á - Thái Bình Dương (thấp hơn Singapore gần 15 lần, thấp hơn Nhật Bản 11 lần và thấp hơn Hàn Quốc 10 lần). Năng suất lao động của Việt Nam bằng 1/5 Malaysia và 2/5 Thái Lan. Trong giai đoạn 2002 - 2007, năng suất lao động tăng trung bình 5,2% mỗi năm. Tuy nhiên, kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, tốc độ tăng năng suất trung bình hằng năm của Việt Nam chậm lại, chỉ còn 3,3%. Một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới năng suất lao động của Việt Nam là tỷ trọng lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản vẫn ở mức cao, chất lượng nguồn lao động thấp… Lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp chiếm 46,6% nhưng chỉ tạo ra 18,12% GDP (Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, 2015).

Ngoài việc thiếu nhiều lao động lành nghề, nguồn nhân lực đã qua đào tạo ở nước ta chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp về tay nghề và các kỹ năng mềm khác. Trình độ ngoại ngữ của người lao động Việt Nam chưa cao nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình hội nhập. Chính những hạn chế, yếu kém của nguồn nhân lực là một trong những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế (năm 2011, Việt Nam xếp thứ 65/141 nước được xếp hạng về năng lực cạnh tranh) (World Economic Forum, 2014).

Bên cạnh đó, tình trạng thể lực của lao động Việt Nam cũng chỉ ở mức trung bình kém (cả về chiều cao, cân nặng cũng như sức bền, sự dẻo dai) so với lao động của các quốc gia trong khu vực như Singapore, Thái Lan, chưa đáp ứng được cường độ làm việc và những yêu cầu trong sử dụng máy móc thiết bị theo tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, kỷ luật lao động còn kém so với nhiều quốc gia trong khu vực ASEAN. Trong khi lao động tại Singapore, Indonesia, Malaysia, Thái Lan được đào tạo bài bản, có ý thức luôn luôn học hỏi, cập nhật

kỹ năng mới thì một bộ phận lớn người lao động ở Việt Nam hiện nay chưa được tập huấn về kỷ luật lao động công nghiệp, tùy tiện về giờ giấc và hành vi. Người lao động chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng làm việc theo nhóm, giao tiếp, khả năng ngoại ngữ, thiếu khả năng hợp tác và gánh chịu rủi ro, ngại phát huy sáng kiến và chia sẻ kinh nghiệm làm việc.

Lao động Việt Nam được biết đến với các đức tính như cần cù, chăm chỉ, ham học hỏi, chịu khó…Tuy nhiên, sự cần cù, chăm chỉ chưa đủ để giúp người lao động đứng vững trong bối cảnh thị trường lao động mở cửa, mà nhất thiết người lao động phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, vốn ngoại ngữ, tin học. Bằng cấp cao chưa hẳn là yếu tố then chốt trong chuyện dễ hay khó xin việc, mà nhân lực phù hợp với yêu cầu tuyển dụng, đảm bảo kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết mới là nhân tố chính đưa người lao động đến với thành công và xác định được chỗ đứng bền vững trên thị trường lao động hội nhập.

Thứ hai, cơ cấu đào tạo nguồn lao động bất hợp lý, tỷ lệ thất nghiệp lớn. Do xuất phát điểm thấp, cơ cấu nền kinh tế của nước ta chủ yếu vẫn dựa vào nông nghiệp, do vậy, tỷ lệ lao động tham gia vào thị trường lao động chính thức còn thấp, đạt khoảng 30%. Chất lượng và cơ cấu nguồn lao động vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển và hội nhập. Khoảng 45% lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp hầu như chưa qua đào tạo. Chất lượng nguồn nhân lực thấp là một trong những vấn đề cản trở sự phát triển. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (năm 2012), lao động phổ thông không có chuyên môn kỹ thuật chiếm 83,28% tổng số lao động; lao động đã qua đào tạo nghề chỉ chiếm tỷ lệ 4,84%; lao động có trình độ trung cấp chuyên nghiệp là 3,61% và lao động có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 8,26%. Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, lao động qua đào tạo nghề (gồm cả dạy nghề chính quy và thường xuyên, phi chính quy, dạy nghề dưới 3 tháng và dạy nghề tại doanh nghiệp) chiếm khoảng 34% tổng số lao động trong cả nước.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế và thị trường lao động của Việt Nam

Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Tăng trưởng GDP (%)	6,2	5,2	5,4
Trao đổi hàng hóa (% GDP)	164,7	161,2	154,9
Năng suất lao động bình quân, PPP (theo giá cố định năm 2010, USD)	5.082	5.239	5.440
	Tổng	**Nam**	**Nữ**
Có việc làm (nghìn người)	52.208	26.830	25.378
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (%)	77,5	82,1	73,2
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,2	2,1	2,2
Tỷ trọng lao động nông nghiệp (%)	46,8	45,0	48,8
Tỷ lệ việc làm dễ tổn thương (%)	62,7	56,7	69,1
Lương trung bình tháng (USD)	181	189	169

Chú ý: *Tất cả các chỉ tiêu về thị trường lao động bao gồm nhóm dân số từ 15 tuổi trở lên và dựa trên số liệu năm 2013, chỉ trừ số liệu về lương trung bình là dựa vào số liệu của năm 2012.*

Nguồn: ADB và ILO: Cộng đồng ASEAN 2015: Quản lý hòa nhập hướng tới việc làm tốt hơn và thịnh vượng chung (Bangkok, ILO, 2014), Phụ lục F.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong giai đoạn 2011-2014, số lao động có trình độ cao đẳng, đại học trong độ tuổi lao động thất nghiệp tăng cao so với số có việc làm, riêng năm 2014 số sinh viên đã tốt nghiệp bị thất nghiệp tăng 103% so với năm 2010. Nguyên nhân là kinh tế suy thoái, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa phá sản nhiều nên số lượng việc làm mới không nhiều. Nhiều cơ sở đào tạo chưa chủ động đầu tư, tổ chức nghiên cứu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động để đào tạo những ngành nghề mà xã hội cần. Hiện nước ta thiếu nhiều nhân lực trình độ cao trong các ngành, lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến việc đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh của nền kinh tế như chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu hoạch định chính sách, tư vấn pháp luật, chuyên gia cao cấp về quản trị doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng, thương mại quốc tế và lao động kỹ thuật trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin, điều khiển và tự động hóa, công nghệ sinh hóa, dầu khí, năng lượng…

Thứ ba, các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở cung cấp nguồn nhân lực hiện chưa đồng bộ, quản lý kém và không hiệu quả. Tính đến tháng 6/2015, tổng số trường cao đẳng, đại học trên cả nước là 477, số trường công lập là 385, ngoài công lập là 92. Trong giai đoạn 2007-2013, 59 trường trung cấp được nâng cấp lên cao đẳng, 49 trường cao đẳng được nâng cấp lên đại học (Vũ Văn Hùng, 2015). Việc nâng cấp hoặc thành lập mới các trường đại học, cao đẳng tăng nhanh về số lượng nhưng chất lượng đào tạo không được như yêu cầu đề ra. Nhiều trường đại học, cao đẳng được thành lập khi cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên chưa đảm bảo dẫn tới chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp, hoạt động không hiệu quả, làm lãng phí ngân sách và các nguồn lực khác.

Các trường dạy nghề chỉ tập trung chủ yếu ở thành thị, các khu công nghiệp tập trung, các vùng kinh tế trọng điểm trong khi ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, số trường hay trung tâm dạy nghề rất ít. Hiện còn 163 huyện chưa có trung tâm dạy nghề cấp huyện, những huyện đã có trung tâm dạy nghề thì thiết bị dạy hoc, thực hành lạc hậu, mặt bằng nhà xưởng không đủ cho sinh viên học tập và thực hành nên chất lượng đào tạo không cao.

2. Cơ hội và thách thức đối với thị trường lao động Việt Nam khi Việt Nam gia nhập AEC

Khi tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Việt Nam vừa có nhiều cơ hội vừa phải đối mặt với không ít thách thức.

2.1. Cơ hội

Thứ nhất, cộng đồng kinh tế ASEAN tạo ra tiềm năng lớn để các nước có thể chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành có năng suất lao động thấp sang các ngành có năng suất lao động cao. Với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngày càng nhanh dưới tác động của AEC, cùng với một lực lượng lao động có kỹ năng tay nghề cao hơn, Việt Nam có thể cạnh tranh mạnh hơn trên thị trường toàn cầu dựa vào lợi thế năng suất lao động và điều kiện làm việc. Theo báo cáo của ADB và ILO, năng suất lao động của Việt Nam sẽ tăng trên hai lần trong giai đoạn 2010-2015 (xem biểu đồ 2). Năng suất lao động tăng mạnh nhất trong ngành công nghiệp (138,6%), tuy nhiên các ngành khác cũng có mức tăng năng suất lao động đáng kể, cụ thể là nông nghiệp (94,5%) và dịch vụ (83,8%). Các xu hướng tích cực về năng suất lao động này sẽ tạo ra tiềm năng to lớn đối với việc tăng thu nhập bền vững. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động, bởi lao

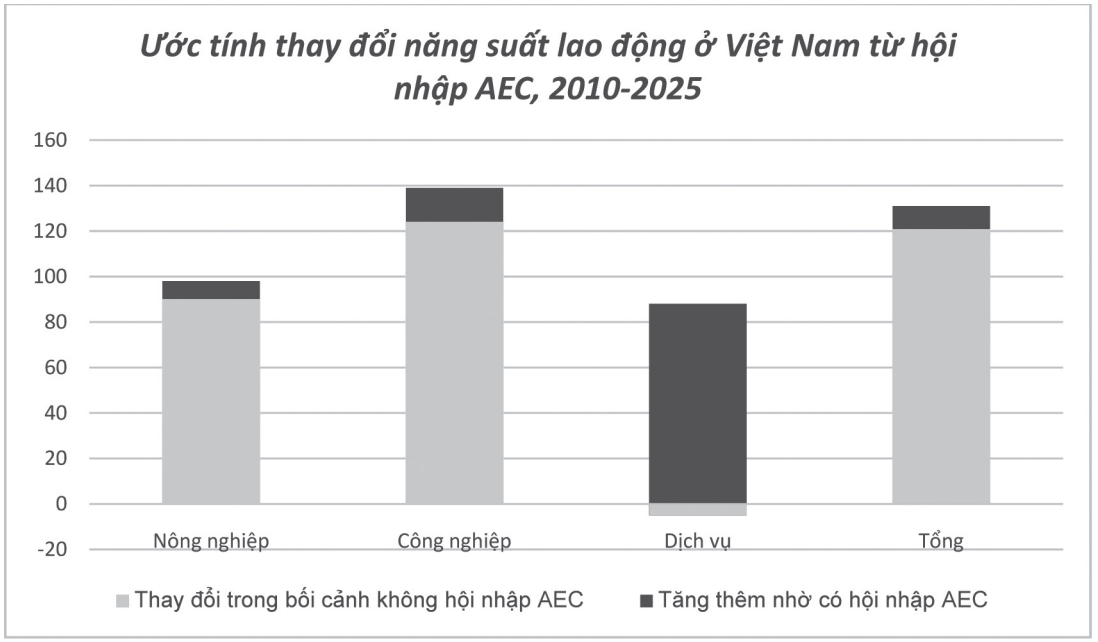

Biểu đồ 1. Ước tính thay đổi năng suất lao động ở Việt Nam từ hội nhập AEC trong giai đoạn 2015-2025 (%)

Nguồn: ADB và ILO

động được trả lương chiếm 34,8% tổng lực lượng lao động của năm 2013, tăng từ 16,8% của năm 1996. Tuy nhiên, để tăng năng suất lao động, có thể mang lại thu nhập tốt hơn và chất lượng cuộc sống cao hơn cho người lao động đòi hỏi Việt Nam phải có các thể chế về thiết lập tiền lương, tiền công vững mạnh (ILO, 2014A, tr.2).

Thứ hai, hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN giúp thị trường lao động trong ASEAN sôi động hơn, thúc đẩy tạo việc làm cho từng quốc gia thành viên. Theo dự báo của ILO, khi tham gia AEC, số việc làm của Việt Nam sẽ tăng lên 10,5% vào năm 2025. Tuy nhiên khoảng 2/3 số việc làm tăng thêm này là việc làm dễ bị tổn thương. Điều đó cho thấy chất lượng việc làm còn ở mức thấp, mặc dù sự hội nhập AEC có thể mang lại những lợi ích chung cho Việt Nam. Các ngành có nhiều cơ hội gia tăng việc làm mạnh mẽ nhất gồm sản xuất lúa gạo, xây dựng, vận tải, dệt may và chế biến lương thực. Ngoài ra, sự hội nhập khu vực kinh tế ASEAN sẽ mang lại những lợi ích quan trọng về việc làm cho các ngành xây dựng, thương mại và vận tải, bởi dự báo năng suất lao động trong các ngành này cao hơn 2 lần so với năng suất của ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, việc làm trong các ngành này thường là việc làm phi chính thức, hầu như không có sự bảo trợ của pháp luật và an sinh xã hội. Điều này đã đặt ra nhu cầu cần phải có những chính sách thị trường lao động nhằm cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao chất lượng việc làm cho người lao động (ILO, 2014 A, tr.2).

Sở dĩ AEC giúp tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động vì sau khi thành lập, thuế suất sang ASEAN bằng 0 nên các doanh

nghiệp xuất khẩu sang ASEAN sẽ được hưởng lợi. Các sản phẩm sản xuất có tỷ lệ "nội khối 60%" được xem là sản phẩm vùng ASEAN nên được hưởng ưu đãi khi xuất khẩu sang các thị trường mà ASEAN đã có FTA. Nhờ đó các doanh nghiệp xuất khẩu sẽ mở rộng thị trường, gia tăng kim ngạch xuất khẩu, từ đó mở rộng cơ hội tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động. Ngoài ra, những nỗ lực của ASEAN nhằm tạo ra môi trường đầu tư rộng khắp và ưu đãi hơn sẽ thúc đẩy các dòng đầu tư và hấp dẫn các nhà đầu tư, đồng thời gia tăng hoạt động đầu tư nội khối ASEAN. Điều này giúp thu hút thêm vốn đầu tư vào ASEAN, qua đó tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

Thứ ba, lao động không có kỹ năng sẽ không được di chuyển tự do, với quy định này, lao động thiếu kỹ năng ít có cơ hội tìm việc làm ở các nước ASEAN và đây là áp lực buộc phải đổi mới quá trình đào tạo tay nghề, trang bị kỹ năng cũng như đổi mới hệ thống giáo dục, đào tạo theo đúng yêu cầu của thị trường lao động ASEAN. Do vậy trong dài hạn Việt Nam chắc chắn có sự chuyển dịch lớn về tỷ trọng lao động qua đào tạo.

Với mức lương và chất lượng việc làm thấp trong nước, lao động Việt Nam đang có xu hướng ra nước ngoài làm việc. Những điểm đến chính của lao động Việt Nam hàng năm là Nhật Bản và Hàn Quốc. Tuy nhiên, trong 5 năm qua, tỷ lệ lao động đi làm việc tại các quốc gia ASEAN ngày càng gia tăng và thị trường này chiếm tới 26% tổng lao động Việt Nam di cư trong năm 2012 . Phần lớn lao động di cư là lao động có trình độ, kỹ năng ở mức thấp và trung bình, làm việc trong các ngành nông nghiệp, xây dựng và sản xuất chế tạo.

Dòng di chuyển lao động nội khối ASEAN có xu hướng tăng rõ rệt, từ 1,5 triệu người vào năm 1990 đến 6,5 triệu người vào năm 2014 và được kỳ vọng tiếp tục tăng khi AEC hình thành, vì khi đó các chuyên gia và lao động tay nghề cao sẽ được di chuyển tự do trong khu vực (ILO, 2014 A). Tám ngành nghề lao động được tự do di chuyển trong ASEAN qua các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRAs) gồm kế toán, kiến trúc sư, nha sĩ, bác sĩ, kỹ sư, y tá, vận chuyển và nhân viên ngành du lịch. Đây là cơ hội để người lao động Việt Nam ở những ngành này dịch chuyển sang các nước trong khối để bù đắp sự thiếu hụt nhân lực, cải thiện thu nhập và tích lũy kinh nghiệm mới cho bản thân. Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động có thể đẩy mạnh phát triển xuất khẩu nguồn nhân lực sang các nước ASEAN.

Mặt khác, khi tham gia AEC, các quốc gia trong khu vực đều ý thức được yêu cầu bức thiết phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia cũng như cả khu vực ASEAN so với các quốc gia khác, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ. Hiện nay mạng lưới các trường đại học trong ASEAN đã được thành lập với 26 trường trong đó có 3 trường của Việt Nam (đại học Quốc gia Hà Nội, đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, đại học Cần Thơ). Vì vậy trong tương lai không xa, hợp tác trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo sẽ được mở rộng theo xu thế hội nhập, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo thêm cơ hội việc làm cho người lao động.

Thứ tư, gia nhập AEC giúp Việt Nam có cơ hội nâng cao tiền lương và thu nhập cho người lao động, đặc biệt là những lao động có tay nghề. Năm 2013, Việt Nam thành lập Hội đồng Tiền lương Quốc gia nhằm tạo điều kiện cho công đoàn và đại diện của người sử dụng lao động được tham gia trực tiếp vào đàm phán thỏa thuận mức lương tối thiểu. Hiện tại lương tối thiểu được xác định theo vùng (thấp

nhất là 90 đô la Mỹ đến cao nhất là 128 đô la Mỹ). Trong khi việc đặt ra mức lương tối thiểu nhằm mục tiêu chính là bảo vệ người lao động có thu nhập thấp, thì mức lương của người lao động có tay nghề thường tăng theo mức tăng của lương tối thiểu. Do đó, tăng lương tối thiểu ở Việt Nam có tác động lớn hơn đến chi phí về nhân công của các doanh nghiệp so với các quốc gia mà lương của lao động có thu nhập cao được xác định qua thương lượng tập thể.

Hiện tiền lương tối thiểu ở Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất trong khu vực ASEAN, do đó chi phí dành cho lao động của các doanh nghiệp Việt Nam thấp hơn các nước trong khu vực. Đây là một lợi thế để nước ta thu hút các dòng đầu tư nước ngoài nhờ giá nhân công rẻ, qua đó làm gia tăng việc làm và có khả năng làm tăng thu nhập cho người lao động. Bên cạnh đó, AEC là cơ hội để người lao động có tay nghề di chuyển đến thị trường lao động ở các quốc gia khác trong khu vực với mức thu nhập cao hơn. Các doanh nghiệp trong nước buộc phải cạnh tranh với các doanh nghiệp ở các quốc gia trong khối để giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, vì vậy tiền lương của người lao động cũng có thể được cải thiện.

2.2. Thách thức

AEC tạo ra thị trường chung, không còn rào cản không gian kinh tế, hàng hóa, dịch vụ, vốn…nên bên cạnh sự hợp tác để cùng phát triển thì cạnh tranh giữa các nước trong khu vực sẽ ngày càng gay gắt hơn. Với năng lực cạnh tranh thuộc nhóm thấp nhất khu vực ASEAN (theo bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu 2013-2014, Việt Nam xếp thứ 68, chỉ đứng trên Lào (93), Campuchia (95) và Myanmar (134) (World Economic Forum, 2015, tr.13), quá trình hội nhập AEC sẽ đem lại không ít thách thức cho thị trường lao động Việt Nam.

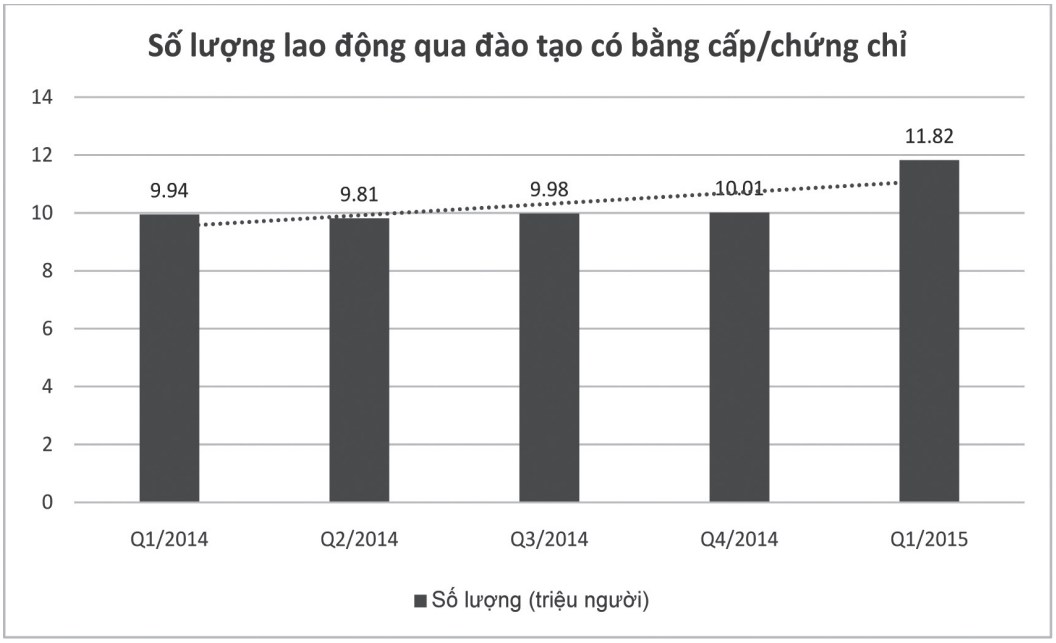

Biểu đồ 3. Số lượng lao động qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ

Nguồn: Tổng cục Thống Kê 2014, 2015, Điều tra lao động-việc làm hằng quý

Thứ nhất, chất lượng cung lao động thấp dẫn đến nguy cơ lao động Việt Nam có thể bị thua ngay trên thị trường nội địa. Nguồn cung lao động của nước ta dồi dào nhưng kém về chất lượng. Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 22,04% tổng lực lượng lao động, cụ thể trong số 11,82 triệu lao động có bằng cấp/chứng chỉ, có 4,3 triệu người có trình độ đại học, chiếm tỉ lệ cao nhất: 36,39%; lao động có trình độ trung học chuyên nghiệp/ trung cấp nghề gần 3,06 triệu người, chiếm 16,79%; cao đẳng/cao đẳng nghề là 1,7 triệu người, chiếm 14,39%; chứng chỉ nghề dưới 3 tháng là 416.000 người, chiếm 3,52% và thấp nhất là nhóm có trình độ sau đại học: 362.000 người, chiếm 3,06% (Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, 2015, tr.2) . Như vậy, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề còn thấp, kỹ năng tay nghề không phù hợp với đòi hỏi của thị trường, những kỹ năng mềm như ngoại ngữ, khả năng làm việc nhóm còn hạn chế khiến lao động Việt Nam khó có thể cạnh tranh và có thể đánh mất cơ hội việc làm ngay trên sân nhà khi lao động có kỹ thuật và tay nghề cao của các ngành nghề kế toán, kiến trúc sư, nha sĩ, bác sĩ, kỹ sư, y tá, vận chuyển và nhân viên ngành du lịch của các quốc gia trong khu vực AEC được tự do dịch chuyển vào Việt Nam.

Ngoài ra, năng suất lao động của toàn nền kinh tế nước ta năm 2014 đạt 74,7 triệu đồng/ lao động, tăng 4,9% so với năm 2013, bình quân giai đoạn 2005-2014 tăng 3,7% mỗi năm. Mặc dù năng suất lao động của Việt Nam trong những năm qua đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên giả định Việt Nam và một số nước vẫn duy trì liên tục tốc độ tăng trưởng năng suất lao động trung bình như trong giai đoạn 2007 - 2012 thì phải đến năm 2038 chúng ta mới bắt kịp năng suất lao động của Philippines, đến năm 2069 mới bắt kịp năng suất lao động của Thái Lan (Vũ Văn Thành, 2015).

Thứ hai, hội nhập AEC có thể làm tăng tình trạng thất nghiệp và việc làm dễ bị tổn thương. Hội nhập AEC có thể khiến tình trạng thất nghiệp ở nước ta gia tăng do sức ép cạnh tranh từ hàng hóa nhập khẩu, vốn và đầu tư của các nước ASEAN có thể dẫn đến một số ngành hàng, sản phẩm bị thu hẹp sản xuất, rút khỏi thị trường, nhiều người lao động bị mất việc. Ngoài ra, khoảng ½ số việc làm trên cả nước được tạo ra trong ngành nông nghiệp và 23,8% việc làm đến từ khu vực phi chính thức. Đây là khu vực tạo nhiều việc làm cho người lao động, nhưng đa phần là những công việc mang tính chất tạm thời, nhiều rủi ro, không bền vững trước bối cảnh hội nhập AEC.

Thứ ba, tốc độ tăng tiền lương cao hơn tốc độ tăng năng suất lao động và nguy cơ bất bình đẳng tăng với khoảng cách thu nhập giữa lao động giản đơn và lao động có kỹ năng ngày càng tăng. Theo Báo cáo Lương toàn cầu 2014/2015, Việt Nam với tốc độ tăng lương cao gấp 3 lần tốc độ tăng năng suất lao động chủ yếu do tăng lương tối thiểu đã làm giá nhân công đắt đỏ và xói mòn lợi thế lao động giá rẻ trong khu vực. Mặt khác, sự thiếu hụt lao động có kỹ thuật và lao động quản lý làm khoảng cách tiền lương của các lao động này với lương của lao động phổ thông ngày càng tăng trong bối cảnh hội nhập AEC, lao động có kỹ năng sẽ tìm được việc làm ở các quốc gia khác trong khu vực với mức lương cao hơn (ILO, 2014 B).

3. Một số giải pháp phát triển thị trường lao động Việt Nam khi hội nhập AEC

AEC sẽ mang lại những cơ hội to lớn về tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng cho Việt Nam, đồng thời cũng tạo cơ hội chuyển dịch

nền kinh tế theo hướng năng suất cao dựa trên kỹ năng và sự đổi mới. Để đạt được mục tiêu đó, đồng thời tận dụng được cơ hội và hạn chế được thách thức khi gia nhập AEC, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau.

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế chính sách, hành lang pháp lý nhằm thúc đẩy thị trường lao động phát triển lành mạnh, phù hợp với thông lệ quốc tế. Đẩy mạnh cải cách thể chế, môi trường kinh doanh nói chung và thị trường lao động nói riêng để người lao động và người sử dụng lao động có thể gặp nhau dễ dàng, hiệu quả với thời gian ngắn nhất. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong quản lý, điều chỉnh các quan hệ lao động để đảm bảo các lợi ích chính đáng của người lao động, xây dựng cơ chế đối thoại, củng cố hệ thống thương lượng tập thể để đảm bảo những lợi ích từ hội nhập AEC thực sự đem lại việc làm tốt hơn cho người lao động Việt Nam.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu thị trường. Nước ta nên gắn chiến lược phát triển nhân lực với chiến lược phát triển kinh tế, đây là nền tảng tiến tới thành công về kinh tế, khoa học kỹ thuật. Ngoài ra, cần phát triển toàn diện giáo dục đào tạo ở các cấp đại học, cao đẳng, giáo dục phổ thông và đào tạo nghề, các trường cần đổi mới chương trình đào tạo đạt chuẩn khu vực trên cơ sở nắm vững và vận dụng các thỏa thuận công nhận lẫn nhau giữa các nước ASEAN (Mutual Recognition Arrangement). Tăng cường hệ thống thông tin, phân tích và dự báo về thị trường lao động sẽ giúp các cơ sở giáo dục và đào tạo có thể đáp ứng với nhu cầu về kỹ năng hiện tại và tương lai của các doanh nghiệp và các ngành kinh tế.

Thứ ba, phát triển hệ thống an sinh xã hội và hỗ trợ các nhóm yếu thế trên thị trường lao động. Bởi AEC sẽ góp phần đẩy mạnh dịch chuyển cơ cấu kinh tế - tạo ra nhu cầu mới cho một số ngành nghề trong khi đó giảm nhu cầu đối với một số ngành nghề khác nên có thể làm tăng tình trạng thất nghiệp, việc làm dễ bị tổn thương và sự phân hóa thu nhập giữa lao động có chuyên môn kỹ thuật và lao động phổ thông. Việc mở rộng độ bao phủ của chương trình bảo hiểm thất nghiệp quốc gia sẽ giảm thiểu chi phí của quá trình chuyển dịch cơ cấu và tạo điều kiện cho lao động di chuyển sang các ngành nghề có năng suất cao hơn.

Thứ tư, tăng năng suất lao động thông qua (1) tăng hiệu quả của các ngành công nghiệp chính bằng cách áp dụng công nghệ mới, nâng cấp máy móc và đầu tư vào đào tạo kỹ năng và đào tạo nghề; (2) chuyển dịch sang các hoạt động có giá trị gia tăng lớn hơn. Bởi vậy, Việt Nam cần chuyển dịch từ nông nghiệp và các ngành dịch vụ cấp thấp sang các ngành chế tạo và các ngành dịch vụ cao cấp. Ưu tiên thực hiện các biện pháp nâng cao năng suất lao động và chất lượng việc làm trong ngành nông nghiệp bao gồm đầu tư vào hệ thống thủy lợi và cơ sở hạ tầng để hỗ trợ các cơ sở sản xuất nông nghiệp nhỏ có thể tham gia vào chuỗi cung ứng đồng thời đa dạng hóa công việc trong các ngành chế tạo mới.

Kết luận

Việc gia nhập AEC vào cuối năm 2015 vừa tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng mang lại không ít thách thức với nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường lao động Việt Nam nói riêng. AEC được thành lập sẽ tạo ra dòng di chuyển tự do của nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng, đặc biệt là nhân lực được đào tạo chuyên môn hoặc có trình độ từ đại học trở lên, thông thạo ngoại ngữ, tin học từ các

nước ASEAN vào Việt Nam và ngược lại. Để hội nhập vào thị trường lao động ASEAN với hiệu quả cao, tác giả đề xuất một số giải pháp, trong đó hai giải pháp mang tính khả thi nhất là phát triển hệ thống an sinh xã hội và hỗ trợ các nhóm yếu thế trên thị trường lao động; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu thị trường do có khả năng áp dụng thành công trong ngắn hạn với tổng vốn đầu tư phù hợp.❑

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, 2015, *Bản tin Cập nhật thị trường lao động hàng quý,* số 5, quý 1 năm 2015, truy cập lần cuối ngày 24 tháng 9 năm 2015. http://www.mediafire.com/view/44dz4zo46pzrioa/Ban_tin_Cap_nhat_TTLD_Vietnam_So5Q12015.pdf
2. Vũ Văn Hùng, 2015, *Thị trường lao động Việt Nam sau khi hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 10 (tháng 5/2015), tr. 32-35
3. ILO, 2014 A, *báo cáo "Cộng đồng ASEAN 2015: Quản lý hội nhập hướng tới việc làm tốt hơn và thịnh vượng chung- Báo cáo tóm lược về Việt Nam"*, tháng 8 năm 2014, truy cập lần cuối ngày 24 tháng 9 năm 2015.

   http://trungtamwto.vn/sites/default/files/hiepdinhkhac/ban_tom_tat_ilo_-_viet_nam_asean.pdf
4. ILO, 2014 B, Global Wage Report 2014/15-Wages and income inequality, truy cập lần cuối ngày 24 tháng 9 năm 2015. http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@dgreports/@dcomm/@publ/documents/publication/wcms_324678.pdf,
5. Vũ Văn Thành, 2015, Năng suất lao động Việt Nam: Nửa thế kỷ nữa mới bắt kịp Thái Lan, truy cập lần cuối ngày 25 tháng 10 năm 2015.

   http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20151009/nang-suat-lao-dong-vn-nua-the-ky-nua-moi-bat-kip-thai-lan/982078.html
6. World Economic Forum, 2015, *The Global Competitiveness Report 2014-2015*, tr. 13, 2014, truy cập lần cuối ngày 24 tháng 9 năm 2015 từ http://www3.weforum.org/docs/WEF_GlobalCompetitivenessReport_2014-15.pdf